

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10-6-2025

V/v xin ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hồng

Ông Nguyễn Văn Luận

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 11/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị P, sinh ngày: 16/4/1983; CCCD số: 042183018198, cấp ngày: 14/3/2023, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; Nơi thường trú: Tổ dân phố Hòa L, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi ở hiện nay: Thôn Trại T, xã Mỹ L, huyện Can L, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Đậu Xuân D, sinh ngày: 26/6/1975; CCCD số: 042075012554, cấp ngày: 10/5/2021, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; Nơi cư trú: Tổ dân phố Hòa L, phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Đặng Thị P và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung: Chị Đặng Thị P và anh Đậu Xuân D đăng ký kết hôn tại UBND xã Kỳ T, huyện Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là UBND phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh) ngày 01/3/2011, hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Chị và anh D sống ly thân 11 năm nay, không liên lạc với nhau, không ai tìm cách hàn gắn tình cảm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đậu Xuân D.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đậu Hải Đ, sinh ngày: 22/11/2005 và Đậu Hải Đ, sinh ngày: 09/7/2011. Trước năm 2011 vợ chồng tổ chức lễ cưới về sinh sống với nhau, được hai bên gia đình đồng ý nhưng chưa đăng ký kết hôn, trong thời gian này vợ chồng sinh con Đậu Hải Đ, giấy khai sinh

con thể hiện bố là Đậu Xuân D, mẹ là Đặng Thị P, hiện con đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên việc nuôi con không đặt ra. Đối với cháu Đậu Hải Đ, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, con ở cùng với bố nên chị P đồng ý với nguyện vọng của cháu Đ và của anh D là giao cháu Đậu Hải Đ cho anh Đậu Xuân D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết

Ý kiến của bị đơn anh Đậu Xuân D: Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, bị đơn anh Đậu Xuân D trình bày: Anh D đồng ý với ý kiến của chị Đặng Thị P về quá trình đi đến hôn nhân, thời gian chung sống, thời điểm đăng ký kết hôn, thời gian mâu thuẫn. Tuy nhiên, anh cho rằng anh không rõ nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào mà chị P chủ động ra khỏi nhà, vợ chồng sống ly thân từ lâu 11 năm nay, không liên lạc với nhau. Nay anh nhận thấy không còn tình cảm với chị P nhưng do anh theo đạo thiên chúa giáo, theo quy định của giáo hội không được phép ly hôn nên anh mong muốn chị P quay về đoàn tụ. Trường hợp, chị P nhất quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đậu Hải Đ, sinh ngày: 22/11/2005 và Đậu Hải Đ, sinh ngày: 09/7/2011. Hiện Đậu Hải Đ đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu Đ ở cùng với anh D nên anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ và anh yêu cầu chị P cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng, nhưng phải thực hiện một lần. Trường hợp, chị P không đồng ý thì anh cũng không yêu cầu vì từ trước đến nay chị P đi khỏi nhà, anh vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng con được tốt.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị P được ly hôn anh Đậu Xuân D. Về con chung: Giao con chung Đậu Hải Đ, sinh ngày: 09/7/2011 cho anh Đậu Xuân D trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi). Buộc chị Đặng Thị P đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành; Về nợ chung và tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét; Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] *Về tố tụng*: Chị Đặng Thị P khởi kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết nuôi con với anh Đậu Xuân D. Anh Đậu Xuân D có nơi cư trú tại tổ dân phố Hòa Lộc, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bị đơn anh Đậu Xuân D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai và quá trình giải quyết vụ án có ý kiến trình bày đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định. Vì vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung*:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa của chị Đặng Thị P và anh Đậu Xuân D đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Kỳ T, huyện Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là UBND phường Kỳ T, thị xã Kỳ A, tỉnh Hà Tĩnh) ngày 01/3/2011. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị Đặng Thị P nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân 11 năm nay, không liên lạc với nhau, không ai tìm cách hàn gắn tình cảm. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị có nguyện vọng được ly hôn, giải phóng cho hai người để mỗi người có cuộc sống riêng, tốt đẹp hơn.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Đậu Xuân D cũng thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân 11 năm nay, không ai tìm cách hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, chị P kiên quyết ly hôn thì anh đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, vợ chồng thương yêu, tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau... nhưng hôn nhân giữa chị Đặng Thị P và anh Đậu Xuân D không đạt được mục đích đó, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không ai tìm cách hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình quy định: “*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn*”. Vì

vậy, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị P được ly hôn với anh Đậu Xuân D.

[3.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 02 con chung là Đậu Hải Đ, sinh ngày: 22/11/2005 và Đậu Hải Đ, sinh ngày: 09/07/2011. Đậu Hải Đ được sinh ra trước hôn nhân, tuy nhiên chị P và anh D đều thừa nhận là con chung của vợ chồng vì trước khi kết hôn vợ chồng có tổ chức lễ cưới, sinh sống với nhau một thời gian sau đó mới đi đăng ký kết hôn. Tại giấy khai sinh cũng thể hiện chị P và anh D là bố mẹ đẻ của Đậu Hải Đ. Hiện nay, Đậu Hải Đ đủ trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên vấn đề nuôi con không đặt ra.

Đối với cháu Đậu Hải Đ, sinh ngày: 09/7/2011, từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu Đ sinh sống, học tập cùng với bố. Anh Đậu Xuân D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ để không xáo trộn cuộc sống của con; chị Đặng Thị P cũng đồng ý giao con cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng; mặt khác hiện nay cháu Đ đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy, cần giao cháu Đậu Hải Đ cho anh Đậu Xuân D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Đậu Xuân D yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con Đậu Hải Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Đ đủ tròn 18 tuổi và có nguyện vọng muốn chị P thực hiện một lần. Chị Đặng Thị P đồng ý cấp dưỡng nuôi con Đậu Hải Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng, nhưng chị cho rằng không có điều kiện cấp dưỡng một lần mà sẽ cấp dưỡng từng tháng khi đến hạn. Vì vậy, cần buộc chị Đặng Thị P cấp dưỡng nuôi con Đậu Hải Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Đặng Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị P.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị P được ly hôn với anh Đậu Xuân D.

- Về con chung: Giao con Đậu Hải Đ, sinh ngày: 09/7/2011 cho anh Đặng Xuân D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị chị Đặng Thị P có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Đậu Hải Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai ngăn cấm cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc chị Đặng Thị P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008488 ngày 07/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Chị Đặng Thị P còn phải nộp 3000.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND thị xã Kỳ Anh;
- Chi cục THADS thị xã Kỳ Anh;
- UBND phường Kỳ T;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ; VP-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Hoàng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Hoàng

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 10 phút, ngày 30 tháng 9 năm 2024

Tại: Phòng nghị án trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thạch

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Nghị

Bà Lê Thị Cẩm Vân

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 26/2024/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, giữa:

Nguyên đơn Bà Mai Thị Huyền Sang

Bị đơn Ông Mai Châu Báu

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án

- Quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Mai Châu Báu vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Kết quả biểu quyết 3/3, đạt 100%.

2. Về điều luật áp dụng

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Kết quả biểu quyết 3/3, đạt 100%.

3. Quyết định giải quyết.

3.1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Mai Thị Huyền Sang với ông Mai Châu Báu

Kết quả biểu quyết 3/3, đạt 100%.

3.2. Về nuôi con chung:

Chưa có con chung, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả biểu quyết 3/3, đạt 100%.

3.3. Về tài sản:

Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả biểu quyết 3/3, đạt 100%.

4. Các vấn đề khác

4.1. Về án phí:

Bà Mai Thị Huyền Sang phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0008401 ngày 01/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh.

4.2. Về quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú cuối cùng.

Kết quả biểu quyết tất cả các vấn đề trên: 3/3 đồng ý.

Không có thành viên Hội đồng xét xử nào có ý kiến khác.

Nghị án kết thúc vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 30 tháng 9 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thạch